

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 25 tháng 6 năm 2021  
“*V/v tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Hiền Vinh**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **Đào Phương Mai**

2. Ông **Trần Ngọc Thịnh**

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Đặng Thị Ngọc Ánh** - Thư ký  
Toà án nhân dân quận Hoàn Kiếm

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa:* Bà  
**Nguyễn Thị Hiền** - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 12/2021/TLST-HNGĐ ngày 28/01/2021 về việc “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/6/2021 giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Chị **Ông Thu N**, sinh năm 1995; Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số 32 H, phường Đ, quận H, thành phố H; Hiện ở tại: Số 01 ngách 27/2 ngõ 100 S, phường S, quận L, thành phố H (Có mặt).

\* *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Đăng H**, sinh năm 1983; Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số 32 H, phường Đ, quận H, thành phố H; Hiện ở tại: Số 13 ngõ 2 H, phường Đ, quận H, thành phố H (Đề nghị xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2020, bản tự khai và những lời khai tại Tòa án, nguyên đơn - chị Ông Thu N trình bày:*

Về tình cảm: Chị kết hôn với anh Nguyễn Đăng H trên cơ sở tự nguyện, tuy không được sự đồng ý của gia đình nhưng vẫn đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận H, thành phố H ngày 23/5/2014.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017, khi chị sinh con thứ hai thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có quan điểm sống khác nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng phai nhạt. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2020 đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa. Tháng 12 năm 2020 anh chị nộp

đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn đến Toà án, sau đó Toà án hoà giải, anh chị rút đơn về để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay tình cảm của chị đối với anh H không còn, vợ chồng không thể hoà giải mâu thuẫn để đoàn tụ, nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày 27/9/2014 và Nguyễn Ngọc H2, sinh ngày 03/01/2017. Chị N có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cả 2 con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nhà đất ở chung: Anh chị không có tài sản, nhà đất ở chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tranh chấp, khiếu kiện gì.

Về công nợ chung: Anh chị không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ.

*\* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo cho anh H đến tòa nhưng anh H không đến nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/6/2021, bị đơn - anh Nguyễn Đăng H trình bày:* Xác nhận về thời gian và điều kiện kết hôn như chị N trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính cách không hợp nhau, vợ chồng phát sinh nhiều bất đồng. Anh H xác nhận vợ chồng sống ly thân từ tháng 11 năm 2020. Nay do vợ chồng không còn tình cảm, chị N có đơn xin ly hôn với anh, anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày 27/9/2014 và Nguyễn Ngọc H2, sinh ngày 03/01/2017. Ly hôn, anh H có nguyện vọng nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị Ngân cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nhà đất ở chung: Anh xác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tranh chấp, khiếu kiện gì.

Về công nợ chung: Anh chị không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ.

*\* Tòa tiến hành thu thập chứng cứ:*

Ngày 28/4/2021, Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm tiến hành ghi ý kiến bà Đường Hải A là mẹ đẻ của chị Ông Thu N. Bà Hải A xác nhận chị N anh H có đăng ký kết hôn vào năm 2014 nhưng không được gia đình nhà anh H đồng ý nên anh chị không tổ chức đám cưới theo nghi lễ truyền thống. Quá trình chung sống khoảng 02 năm nay, anh H và chị N thường xuyên cãi vã, to tiếng vì anh H không hề chia sẻ, quan tâm với vợ về công việc trong gia đình. Bản thân bà thấy tình cảm giữa hai anh chị đã sút mẻ, mâu thuẫn kéo dài đã lâu và với tính cách hai người, bà nghĩ việc đoàn tụ là không thể. Tuy nhiên, việc anh chị ly hôn là tùy thuộc vào quyết định của anh chị và Tòa án, bà không có ý kiến gì.

Ngày 08/6/2021, Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm lập biên bản xác minh với ông Trần Đăng H3- Tổ trưởng tổ dân phố số 4, phường Đ, quận H, H. Ông H3 cho biết anh H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 32 H, phường Đ, quận H, thành phố H nhưng hiện tại anh H không ăn ở, sinh sống tại địa chỉ này. Về việc

chị N có đơn xin ly hôn với anh H, tổ dân phố không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn - chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống. Về con chung, hiện nay các cháu đang ở cùng anh H và bố mẹ đẻ anh H tại địa chỉ số 13 ngõ 2 H, phường Đ, quận H, H. Anh H có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con chung, chị cũng đồng ý và đề nghị được thỏa thuận với anh H về mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nhà, đất ở và công nợ chung: Anh chị không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ.

Bị đơn - anh Nguyễn Đăng Hoàng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Cụ thể: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền; Thực hiện đúng các thủ tục tố tụng; Việc thu thập chứng cứ, thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử; thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, về điều khiển phiên tòa; Đối với các đương sự đã thực hiện đúng các quy định, các quyền trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 21, 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị:

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ông Thu N đối với anh Nguyễn Đăng H.

+ Về con chung: Giao 02 con chung cho anh Nguyễn Đăng H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con với chị N cho đến khi anh H có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Anh chị khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Ông Thu N có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Đăng H. Đây là vụ án tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Đăng H có hộ khẩu thường trú tại số 32 H, phường Đ, quận H, thành phố H, hiện ở tại số 13 ngõ 2 H, phường Đ, quận H, thành phố H, theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

- Về trình tự tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Ông Thu N có mặt, bị đơn là anh Nguyễn Đăng H vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- Về tình cảm: Xét thấy, chị Ông Thu N và anh Nguyễn Đăng H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/5/2014 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận H, thành phố H (Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2014 quyền số 01/2013). Đây là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời trình bày của các đương sự và qua xác minh, xét thấy quá trình chung sống, vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tính cách không hợp nhau, tình cảm vợ chồng phai nhạt. Tháng 12 năm 2020, anh chị đã nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn đến tòa án, sau đó anh chị rút đơn để vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Tháng 01 năm 2021, chị N tiếp tục gửi đơn xin ly hôn với anh H. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án từ Thông báo thụ lý vụ án; Giấy báo đến Tòa án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập anh H đến Tòa án nhiều lần nhưng anh H đều vắng mặt. Điều này chứng tỏ anh H cũng không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân của anh và chị N. Sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh H mới có ý kiến xác nhận lý do chị N xin ly hôn lần này là do tính cách không hợp nhau, vợ chồng không còn tình cảm. Anh cũng đồng ý ly hôn nhưng do công việc không thể đến tham gia phiên tòa, anh đề nghị được xét xử vắng mặt.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, hòa thuận, vợ chồng thương yêu giúp đỡ lẫn nhau không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân tồn tại phải trên cơ sở tình cảm tự nguyện của cả hai bên. Thực tế hôn nhân anh chị đã không tồn tại từ tháng 11 năm 2020 khi anh chị sống ly thân cho đến nay, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm đến nhau nữa, khả năng đoàn tụ của chị N và anh H không còn. Việc chị N yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ, phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, hơn thế anh H cũng đồng ý ly hôn với chị N nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh H.

- *Về con chung*: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày 27/9/2014 và Nguyễn Ngọc H2, sinh ngày 03/01/2017. Khi ly hôn, anh H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu chị N đóng góp nuôi con. Theo quy định của pháp luật, việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện đảm bảo cho sự phát triển về thể chất, học hành và các điều kiện khác thuận lợi cho sự phát triển tốt về tinh thần của con chưa thành niên. Xét thấy hai cháu hiện đang sinh sống ổn định cùng anh H, cháu T có đơn trình bày nguyện vọng được ở với bố. Tại phiên tòa, chị N cũng đồng ý để anh H được nuôi dưỡng, chăm sóc cả 2 con chung, việc cấp dưỡng nuôi con anh H không yêu cầu nên chị N đề nghị sẽ tự thỏa thuận. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để giao hai cháu Nguyễn Anh T và Nguyễn Ngọc H2 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Anh H không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con, do đó tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị N cho đến khi anh H có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

- *Về tài sản chung, nhà đất ở chung và công nợ chung*: Anh H, chị N đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nhà đất ở, công nợ chung, không có tranh chấp, khiếu kiện gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí*: căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

#### **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Ông Thu N đối với anh Nguyễn Đăng H. Chị Ông Thu N được ly hôn với anh Nguyễn Đăng H.

2. Về con chung: Xác nhận chị N và anh H có 02 con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày 27/9/2014 và Nguyễn Ngọc H3, sinh ngày 03/01/2017. Giao hai cháu Nguyễn Anh T, Nguyễn Ngọc H cho anh Nguyễn Đăng H trực tiếp

trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng kể từ tháng 7 năm 2021 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Chị Ông Thu N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Đăng H không yêu cầu chị Ông Thu N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị N cho đến khi anh H có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh H và chị N cùng khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Ông Thu N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0018240 ngày 28/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Ông Thu N có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Anh Nguyễn Đăng H vắng mặt có quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND quận Hoàn Kiếm;
- Chi cục THADS quận Hoàn Kiếm;
- UBND phường Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

***Nguyễn Hiến Vinh***